

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 96/2022/DS-PT

Ngày: 13-4-2022

V/v: “*Tranh chấp về chia di sản
thừa kế, chia tài sản chung và yêu
cầu hủy quyết định cá biệt*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành

Các Thẩm phán:

Ông Nguyễn Cường

Ông Trần Quốc Cường

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Trang – Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng: Ông Nguyễn Thế Vinh – Kiểm sát viên.

Vào ngày 13 tháng 4 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 235/2021/TLPT-DS ngày 23 tháng 8 năm 2021 về việc “*Tranh chấp về chia di sản thừa kế, chia tài sản chung và yêu cầu hủy quyết định cá biệt*”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 1445/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Sử Lệ T**, sinh năm 1949. (Có mặt)

Địa chỉ: Số 50/3 Đường N, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

- *Bị đơn:* Ông **Sử Chấn Q**, sinh năm 1944 đã chết.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Sử Chấn Q gồm: bà Hứa Thu V là vợ ông Q; anh Sử H1, chị Sử Tuệ B, Sử Thu H2, Sử Hà L là các con ông Q.

Ông Sử H1 là người đại diện theo ủy quyền của những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Sử Chấn Q.

Địa chỉ: Số 83 Đường T2, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Ông Sử H1 trú tại K 5/4 đường T3, phường H3, quận H4, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **W**.

2. Bà **Z1**.

3. Bà **Z2**.

4. Bà **Z3**.

5. Bà **Z4**.

Tất cả đang sinh sống tại Cộng hòa Liên bang Brasil.

6. Bà **Nguyễn Hồng Y1**

7. Bà **Sử Hồng Ch**, sinh năm 1966.

Cùng địa chỉ: Số 119/4 Đường PĐL, Phường Y1, quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh.

8. Ông **Sử Tùng G1**, sinh năm 1968.

Địa chỉ: Số 125A/10 Đường PĐL, Phường Y1, quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh.

9. Bà **Sử Hồng Nh1**, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số 440/77 đường NK, Phường Y2, quận P1, Thành phố Hồ Chí Minh.

10. Ông **Sử Thanh T4**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: Số 73/4 đường HTC, Phường Y2, Quận Y3, Thành phố Hồ Chí Minh.

11. Ông **Sử Chấn C1**, sinh năm 1945, chết năm 2016.

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Sử Chấn C1:

+ Bà **Bùi Thị Th2**, sinh năm 1951.

+ Bà **Sử Mỹ L1**, sinh năm 1971.

+ Bà **Sử Khánh L3**, sinh năm 1973.

+ Ông **Sử Duy B2**, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Số 236/10 đường Đ2, Chung cư TN, quận B3, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông **Sử Duy H5**, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Số 22 đường 37, Khu dân cư CL, thành phố TĐ (Quận Y4 cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà **Sử Thụy L1**, sinh năm 1975. (Có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Số 83 Đường T2, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

12. Ông **Sử Chấn K1**, sinh năm 1947.

Địa chỉ: Số 227 đường H6, thành phố H7, tỉnh Thừa Thiên Huế. Đã chết, người kế thừa quyền nghĩa vụ tổ tụng của ông Sử Chấn K1 là bà Ngô Bích Thị L2 (vợ ông K1).

13. Bà **Thái Tiên H8**, sinh năm 1959.

Địa chỉ: K848 đường TCV, phường TKĐ, quận TK, thành phố Đà Nẵng.

14. Bà **Thái Bích H9**, sinh năm 1950.

15. Ông **Thái Quán V1 (H14)**, sinh năm 1957.

16. Ông **Thái Quán C2**, sinh năm 1958.

Cùng địa chỉ: Số nhà K23/18 (30/2) đường TKX, phường HC, quận HC1, thành phố Đà Nẵng.

17. Ông **Thái Quán D1**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 5704 Hidden Pine Lane Mckinney, Texas 75070, USA.

18. Bà **Sử Nga A1**, sinh năm 1935.

Địa chỉ: Số 86 đường LL, thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận.

19. Bà **Sử Hoa A2**, sinh năm 1927, chết năm 2019.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của bà Sử Hoa A2:

+ Ông **Hàng Xuân C3**, sinh năm 1958.

+ Ông **Hàng H10**, sinh năm 1966.

+ Ông **Hàng H11**, sinh năm 1969.

+ Bà **Hàng Xuân Tr1**, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: Tổ 32, đường số 2, khu phố 4, phường NB, thành phố QN, tỉnh Bình Định.

20. Ông **A3**.

Địa chỉ: 11300 Warner Ave #B103, Fountain Valley, California 92708, Hoa Kỳ. (đã chết và vợ ông A3 đã chết)

21. Bà **Châu Thị Mai L4**, sinh năm 1947.

22. Ông **Sử Duy K3**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số 12/21 đường NTM, quận HC1, thành phố Đà Nẵng.

23. Ông **Sử Duy T5**, sinh năm 1969.

Địa chỉ: 2227 - Monte Royal Monteval - Quebec H2H - 1K5, Canada.

24. Bà **N1**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 52/C27 - 28 đường TNH, phường HT, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

25. Ông **Sử Diệu Q3**, sinh năm 1952.

Địa chỉ: # 19-205 Carlyle. A7 London, ont NSV 3k7 Canada.

26. Ông **Sử Chấn K4**, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số 27 đường LQĐ, phường Cp, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

27. Ông **Sử Chấn N2**, sinh năm 1962.

Địa chỉ: 74 Blossom. Crescent Toroto, ontario, M3N. 2B2.

28. Ông **Sử Chấn A4**, sinh năm 1963.

Địa chỉ: 602-1257 Hrons. T London-Ont, N5Y-4L7.

29. Ông **Sử Chấn Ph1**, sinh năm 1965, chết năm 2014.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ của ông Sử Chấn Ph1:

+ Bà **Trương Thị Ánh T6**, sinh năm 1969.

+ Ông **Sử Duy H12**, sinh năm 1995.

Cùng địa chỉ: Số 78B Bạch Đằng, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

30. Bà **Sử Lệ M1**, sinh năm 1954.

Địa chỉ: Số 76/2 Đường T2, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan gồm ông W, bà Z1, bà Z2, bà Z3, bà Z4, ông Sử Thanh T4, ông Sử Tùng G1, ông Sử Hồng Ch, bà Sử Hồng Nh1, ông Sử Chấn K1, bà Thái Tiên H8, bà Thái Bích H9, ông Thái Quán V1 (H14), ông Thái Quán C2, ông Thái Quán D1, bà Sử Nga A1, ông Sử Chấn N2, ông Sử Chấn A4: Bà **Sử Lệ T**, sinh năm 1949, địa chỉ: Số 50/3 Đường N, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam.*

31. Bà **Hứa Thu V2**, sinh năm 1945.

Địa chỉ: Số 83 Đường T2, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Ủy quyền cho ông Sử H1.

32. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Nam

Địa chỉ: Số 62 đường HV, thành phố TK, tỉnh Quảng Nam.

*Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Trịnh Xuân Th**, chức vụ: Chánh Thanh tra Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam (theo văn bản ủy quyền số 7081/UBND-NC ngày 02/12/2020). (Có mặt)*

Người kháng cáo: Nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo Bản án sơ thẩm nội dung vụ án như sau:

Nguồn gốc ngôi nhà số 83 Đường T2, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam hiện nay vợ chồng ông Sử Chấn Q đang quản lý, sử dụng là do bà nội của bà là Lâm Thị K6 mua của bà Trần Thị A5 theo Sổ trước bạ số 55/75/3493 ngày 17/8/1959 của Ty Thuế vụ H.

Ngày 11/02/1965, bà Lâm Thị K6 lập di chúc giao ngôi nhà trên cùng toàn bộ khế ước nhà cho bà Phan Thị H13 (*là mẹ ruột của ông Sử Chấn Q*) là con

dâu trưởng được quyền ở để thờ phụng tổ tiên. Sau đó, vợ chồng ông Sử Chấn Q và bà Hứa Thu V2 về tá túc phía sau nhà.

Năm 1967, bà Lâm Thị K6 chết nhưng không để lại di chúc định đoạt quyền sở hữu ngôi nhà. Bà Phan Thị H13 tiếp tục ở, quản lý ngôi nhà cho đến khi chết. Sau khi bà Phan Thị H13 chết năm 1995, ông Sử Chấn Q và bà Hứa Thu V2 chiếm dụng toàn bộ ngôi nhà, tự ý sửa chữa, cho thuê ngôi nhà mà không thông qua ý kiến của những đồng thừa kế khác.

Năm 2001 không hiểu bằng cách nào, ông Sử Chấn Q và bà Hứa Thu V2 lập được thủ tục đứng tên Sổ nghiệp chủ ngôi nhà này. Anh chị em bà đã nhiều lần thương lượng giải quyết nhưng không được, nên bà khởi kiện yêu cầu Tòa án phân chia di sản thừa kế của bà Lâm Thị K6 cho những người thừa kế của bà theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, bà yêu cầu chia thừa kế giá trị nhà và đất tại số 83 Đường T2, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam được định giá theo Chứng thư thẩm định giá tài sản số 2111/2020/VLAD-HCM ngày 03/6/2020 của Công ty TNHH Thẩm định giá Đất Việt và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0303010169 do Ủy ban nhân dân (UBND) tỉnh Quảng Nam cấp ngày 27/7/2001 cho ông Sử Chấn Q và bà Hứa Thu V2.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án bị đơn ông Sử Chấn Q cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Sử H1 trình bày:

Nguyên trước đây gia đình ông Sử Chấn Q sống tại thành phố PR, tỉnh Ninh Thuận. Năm 1962, bà nội của ông Sử Chấn Q là bà Lâm Thị K6 gọi mẹ ông là Phan Thị H13 đưa gia đình ông về thành phố H để chăm sóc phụng dưỡng bà. Từ đó, gia đình ông Q về ở với bà nội tại ngôi nhà nay là số 83 Đường T2, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam. Trước khi bà nội ông chết bà đã cho mẹ ông ngôi này để ở và hương khói ông bà.

Năm 1978, chính quyền địa phương thông báo các hộ dân phải đăng ký, kê khai nhà đất, nếu không sẽ thuộc diện quản lý của Nhà nước. Mẹ ông bảo ông đứng tên kê khai, đến khi mẹ ông già yếu bà đã lập giấy cho vợ chồng ông ngôi nhà này cùng tất cả hồ sơ, khế ước ngôi nhà. Năm 1989, ông đã lập đầy đủ hồ sơ chứng từ hợp pháp và được cấp Trích lục Sổ nghiệp chủ. Năm 2001, được UBND tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0303010169 ngày 27/7/2001. Do ngôi nhà xuống cấp nên vợ chồng ông đã sửa chữa, tu bổ lại như hiện nay, nay ông Sử Chấn Q không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Sử Lệ T.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hứa Thu V2 cũng như tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền là ông Sử H1 trình bày:

Bà Hứa Thu V2 thống nhất với lời trình bày của ông Sử Chấn Q, không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của bà Sử Lệ T.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông W, bà Z1, bà Z3, bà Z2 và bà Z4 (con ông Sử Chấn P2, chết năm 2008) tuyên bố từ bỏ quyền được hưởng thừa kế của mình cho người thừa kế trực tiếp.

Ông Sử Thanh T4, ông Sử Tùng G1, bà Sử Hồng Ch, Sử Hồng Nh1, bà Thái Bích H9, ông Thái Quán V1, ông Thái Quán C2, ông Thái Tiên H8, ông

Thái Quán D1, ông Sử Chấn K1 và bà Sử Nga A1 ủy quyền cho bà Sử Lệ T giải quyết vụ án.

Bà Châu Thị Mai L4, ông Sử Duy K3, bà N1, ông Sử Diệu Q3, ông Hàng Xuân C3, ông Hàng H11, ông Hàng H10, bà Hàng Xuân Tr1, bà Trương Thị Ánh T6, ông Sử Duy H12: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sử Lệ T.

Ông Sử Duy T5, ông Sử Chấn K4, ông Sử Chấn N2, ông Sử Chấn A4, bà Sử Lệ M1: Thống nhất với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sử Lệ T, yêu cầu Tòa giải quyết theo quy định của pháp luật và giao phần thừa kế của mình được hưởng cho bà Sử Lệ T.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Sử Thụy L1 trình bày:

Bà là con ruột ông Sử Chấn C1 (*chết năm 2015*). Vợ chồng ông Sử Chấn C1 và bà Bùi Thị Th2 có 05 người con chung là: Bà Sử Thụy L1, bà Sử Mỹ L1, bà Sử Khánh L3, ông Sử Duy H5 và ông Sử Duy B2. Ông Sử Chấn C1 không có con riêng. Nay bà Sử Lệ T khởi kiện chia thừa kế và nếu pháp luật xem xét phải chia thừa kế thì bà và những người thừa kế của ông Sử Chấn C1 được hưởng 01 kỷ phần thừa kế thì bà cũng xin nhận theo quy định của pháp luật. Đối với kỷ phần thừa kế của ông Sử Chấn C1 mà mẹ con bà được hưởng thì bà xin nhận bằng giá trị và bà Sử Thụy L1 đại diện nhận và có trách nhiệm giao lại cho mẹ và các em khi có yêu cầu.

Theo các văn bản trình bày có trong hồ sơ vụ án người đại diện UBND tỉnh Quảng Nam trình bày tại Công văn số 177/SXD-TTr ngày 08/6/2012 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Nam như sau:

Ngôi nhà 51 đường N, phường M, thành phố H thuộc sở hữu của vợ chồng ông Sử Quang P3 (*chết*) và bà Lâm Thị K6 tạo lập trước giải phóng, đã lập thủ tục bán cho ông Đặng Thế V1. Bà Lâm Thị K6 lấy số tiền bán được phân chia thừa kế cho các con và cháu nội đích tôn.

Ngôi nhà số 137 Cường Để, nay là số 83 đường T2, phường M, thành phố H, Quảng Nam do bà Lâm Thị K6 mua lại của bà Trần Thị A5 và ủy quyền cho bà Phan Thị H13 (*là con dâu trưởng*) quản lý căn nhà để thờ phụng ông bà. Năm 1989, do tuổi cao sức yếu nên bà H13 lập thủ tục giao ngôi nhà này cho vợ chồng con trai là ông Sử Chấn Q và bà Hứa Thu V2 quản lý, sử dụng và thờ phụng ông bà, cha mẹ là phù hợp với quy định của pháp luật.

Việc bà Sử Lệ T có đơn khởi kiện yêu cầu phân chia di sản thừa kế và hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0303010169 do UBND tỉnh Quảng Nam cấp ngày 27/7/2001 cho ông Sử Chấn Q và bà Hứa Thu V2 đối với ngôi nhà số 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam là không có cơ sở và đề xuất xử bác đơn khởi kiện của bà Sử Lệ T.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 12/2021/DS-ST ngày 15 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:

Áp dụng khoản 5 Điều 25, khoản 3 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 214, 217, 224, 247, 249, 645, 675, 676 và 652 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27/7/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Án lệ số 06/2016/AL, các Điều 12, 14, khoản 1, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy

định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sử Lệ T về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản, chia tài sản chung và hủy quyết định cá biệt”.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sử Lệ T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0303010169 do UBND tỉnh Quảng Nam cấp ngày 27/7/2001 cho ông Sử Chấn Q và bà Hứa Thu V2.

- Giao cho bà Sử Lệ T quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản ngôi nhà gắn liền với diện tích đất 125,7m² tại số 83 Đường T2, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (*Có sơ đồ bản vẽ kèm theo*). Gia đình ông Sử Chấn Q được quyền lưu cư trong thời gian 03 (Ba) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

- Bà Sử Lệ T phải trả số tiền do được chia thừa kế cho từng người được nhận như sau:

1. Bà Châu Thị Mai L4 là 2.682.165.100 đồng. Bà Châu Thị Mai L4 có trách nhiệm giao lại cho: Ông Sử Duy T5 82.669.500 đồng, bà N1 82.669.500 đồng và ông Sử Duy K3 1.258.413.100 đồng khi có yêu cầu.

2. Ông Sử Diệu Q3 là 330.677.900 đồng.

3. Ông Sử Chấn K4 là 1.506.421.500 đồng.

4. Ông Sử Chấn N2 là 330.677.900 đồng.

5. Ông Sử Chấn A4 là 330.677.900 đồng.

6. Bà Trương Thị Ánh T6 là 1.506.421.500 đồng. Bà Trương Thị Ánh T6 có trách nhiệm giao lại cho: Ông Sử Duy H12 753.210.750 đồng khi có yêu cầu.

7. Bà Sử Lệ M1 là 1.506.421.500 đồng.

8. Bà Nguyễn Thị Hồng Yến là 2.682.165.100 đồng. Bà Nguyễn Thị Hồng Yến có trách nhiệm giao lại cho: Ông Sử Hồng Ch 66.135.500 đồng, ông Sử Hồng Nh1 66.135.500 đồng, ông Sử Thanh T4 1.241.879 đồng và ông Sử Tùng G1 1.241.879 đồng khi có yêu cầu.

9. Bà Sử Thụy L1 là 1.506.421.500 đồng. Bà Sử Thụy L1 có trách nhiệm giao lại cho: Bà Bùi Thị Th2, bà Sử Mỹ L1, bà Sử Khánh L3, ông Sử Duy H5 và ông Sử Duy B2 mỗi người 251.070.250 đồng khi có yêu cầu.

10. Ông Sử Chấn K1 là 330.677.900 đồng.

11. Ông Thái Quán H14 (V1) là 1.506.421.500 đồng. Ông Thái Quán H14 (V1) có trách nhiệm giao lại cho: Bà Thái Bích H9, ông Thái Quán C2, ông Thái Quán D1 và bà Thái Tiên H8 mỗi người 66.135.500 đồng khi có yêu cầu.

12. Bà Sử Nga A1 là 330.677.900 đồng.

13. Ông Hàng Xuân C3 là 330.677.900 đồng. Ông Hàng Xuân C3 có trách nhiệm giao lại cho: Ông Hàng H11, ông Hàng H10 và bà Hàng Xuân Tr1 mỗi người 82.669.500 đồng khi có yêu cầu.

14. Ông Sử Chấn Q là 14.705.916.400 đồng.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về phần án phí, thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định bà Sử Lệ T kháng cáo bản án với những nội dung.

* Việc tính công sức duy trì tôn tạo bảo quản cho ông Q với mức 20% trị giá di sản thừa kế là cao.

* Việc giao phần di sản do ông Sử Chấn P2 và các con ông không nhận phần thừa kế và giao cho các đồng thừa kế khác. Vậy Tòa án cấp sơ thẩm giao cho vợ chồng ông Q bà V2 là không đúng vì ông P2 còn có hàng thừa kế thứ 2 thứ 3. Do vậy, đề nghị Tòa án không chấp nhận những khoản mà vợ chồng ông Q được hưởng như đã nêu ở trên.

* Tại cấp phúc thẩm bà T cũng đề nghị định giá lại di sản thừa kế vì theo bà T hiện nay bất động sản không còn cao như thời điểm định giá vào tháng 6 năm 2020.

Tại phiên tòa phúc thẩm bà Sử Lệ T vẫn giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và các đương sự không hòa giải với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm cho rằng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa và các thành viên Hội đồng xét xử chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự thực hiện đúng quyền nghĩa vụ của mình. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần kháng cáo của bà T điều chỉnh lại các kỷ phần được hưởng theo đơn giá mới đã được định giá, không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Sử Lệ T về các yêu cầu khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, trên cơ sở kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nhà và đất tại số 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam đều được các đương sự thừa nhận; có nguồn gốc được tạo lập bởi sở hữu chung của 03 người gồm: Bà Lâm Thị K6, ông Sử Khắc L5 và ông Sử Chấn P2.

Bà Lâm Thị K6 khi lập di chúc chỉ giao cho bà Phan Thị H13 (là mẹ ông Sử Chấn Q) được ở để thờ phụng, không giao cho bà Phan Thị H13 quyền sở hữu. Việc bà H13 tự định đoạt khối tài sản nhà và đất tại số 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam, cụ thể là lập thủ tục cho tài sản nhà và đất tại số 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho ông Sử Chấn Q là trái với quy định của pháp luật, xâm phạm đến quyền lợi hợp pháp của ông Sử Khắc L5 và ông Sử Chấn P2 và vi phạm di sản thờ cúng. Việc UBND tỉnh Quảng Nam cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0303010169 ngày 27/7/2001 cho ông Sử Chấn Q và bà Hứa Thu V2 chỉ căn cứ vào thủ tục kê khai, đăng ký và Giấy cho nhà của bà Phan Thị H13 là không đảm bảo quyền lợi của những đồng sở hữu tài sản khác.

Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sử Lệ T về việc hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0303010169 do UBND tỉnh Quảng Nam cấp ngày 27/7/2001 cho ông Sử Chấn Q và bà Hứa Thu V2, là có căn cứ.

[2] Theo yêu cầu của nguyên đơn về việc chia di sản thừa kế là nhà đất tại 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam; Bản án sơ thẩm đã xác định đầy đủ các diện và hàng thừa kế của bà Lâm Thị K6, ông Sử Khắc L5 và ông Sử Chấn P2 để chia tài sản chung và chia thừa kế theo pháp luật là đúng quy định. Sau khi xét xử sơ thẩm không có đương sự nào kháng cáo về nội dung trên.

[3] Xét yêu cầu kháng cáo của bà Sử Lệ T; Hội đồng xét xử xét thấy:

[3.1] Tại Biên bản định giá tài sản ngày 27/5/2020, Hội đồng định giá xác định giá trị nhà và vật kiến trúc trên đất tại số 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam có tổng giá trị là 328.912.800 đồng. Tại Biên bản xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 27/5/2020 và tại phiên tòa sơ thẩm các đương sự đều thừa nhận: Vợ chồng ông Sử Chấn Q có xây dựng thêm (mới) ngôi nhà 02 tầng có kết cấu khung gỗ, tường xây, mái ngói xưa (âm dương), diện tích xây dựng $29,27\text{m}^2$, diện tích sử dụng $58,54\text{m}^2$ và xây dựng thêm (mới) ngôi nhà trệt có kết cấu khung gỗ, tường xây, mái ngói xưa (âm dương), gồm bếp và nhà vệ sinh diện tích xây dựng $9,92\text{m}^2$. Như vậy, vợ chồng ông Sử Chấn Q xây dựng thêm (mới) tổng diện tích $(58,54\text{m}^2 + 9,92\text{m}^2) 68,46\text{m}^2 \times 2.280.000 \text{ đồng/m}^2 = 156.088.800 \text{ đồng}$. Do đó, giá trị nhà và vật kiến trúc trên đất tại số 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam sau khi trừ giá trị xây thêm có giá trị là 172.824.000 đồng ($328.912.800 \text{ đồng} - 156.088.800 \text{ đồng}$).

Tại Chứng thư thẩm định giá tài sản số 2111/2020/VLAD-HCM ngày 03/6/2020 của Công ty TNHH Thẩm định giá Đất Việt xác định giá trị diện tích đất tại số 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam: $125,7\text{m}^2 \times 234.079.000 \text{ đồng/m}^2 = 29.588.187.000 \text{ đồng}$.

Tổng giá trị nhà và đất tại số 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam được định giá là 29.761.011.000 đồng ($172.824.000 \text{ đồng} + 29.588.187.000 \text{ đồng}$).

* Sau khi xét xử sơ thẩm bà T kháng cáo cho rằng trị giá tài sản là đất nêu trên được định giá quá cao, do vậy nếu bà được nhận tài sản thì sẽ không đủ để thanh toán cho các kỷ phần khác nên bà T đề nghị được định giá lại tài sản. Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng có buổi làm việc ngày 10 tháng 12 năm 2021 với 02 bên đương sự và thống nhất việc định giá lại. Sau khi có kết quả định giá lại các bên đương sự đều không có ý kiến khiếu nại gì.

Tại Chứng thư thẩm định giá tài sản số 3292HCM/2021/CT-TĐG/AVC ngày 23 tháng 12 năm 2021 của Công ty TNHH Thẩm định giá Châu Á xác định giá trị diện tích đất tại số 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam: $125,7\text{m}^2 \times 177.400.000 \text{ đồng/m}^2 = \mathbf{22.299.180.000 \text{ đồng}}$.

Giá trị tài sản trên đất là $101,5\text{m}^2 \times 2.880.000 \text{ đồng/m}^2 \times 87\% = 252.303.010 \text{ đồng}$.

Xác định được vợ chồng ông Sử Chấn Q xây dựng thêm (mới) tổng diện tích $(58,54\text{m}^2 + 9,92\text{m}^2) 68,46\text{m}^2 \times 2.280.000 \text{ đồng/m}^2 = 156.088.800 \text{ đồng}$. Do đó, giá trị nhà và vật kiến trúc trên đất tại số 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam sau khi trừ giá trị xây thêm có giá trị là 96.214.310 đồng ($252.303.010 - 156.088.800$).

Tổng giá trị tài sản thẩm định là: 22.395.394.310 đồng (22.299.180.000 đồng + 96.214.310 đồng); như vậy yêu cầu kháng cáo của bà T về nội dung định giá lại tài sản trên đã được chấp nhận.

[3.2] Về công sức tôn tạo, gìn giữ và quản lý di sản thừa kế; nguyên đơn, đại diện theo ủy quyền của bị đơn và đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật, xét thấy:

Nguyên đơn và đại diện theo ủy quyền của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đều thừa nhận: Từ khi được bà Phan Thị H13 giao quản lý tài

sản ngôi nhà và đất tại số 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam từ năm 1962, vợ chồng ông Sử Chấn Q có tu bổ, sửa chữa ngôi nhà và có công sức tôn tạo, gìn giữ và quản lý ngôi nhà và đất tại số 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho đến nay. Trong quá trình quản lý sử dụng, vợ chồng ông Sử Chấn Q rất có trách nhiệm, cụ thể có tiến hành kê khai đăng ký và được các cơ quan có thẩm quyền cấp Trích lục Sổ nghiệp chủ, cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở ngày 27/7/2001, thực hiện nghĩa vụ nộp thuế cho Nhà nước để giữ ngôi nhà số 83 Đường T2 được như hiện nay và đều đồng ý tính công sức tôn tạo, gìn giữ và quản lý di sản thừa kế là nhà và đất tại số 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho vợ chồng ông Sử Chấn Q. Bản án sơ thẩm xem xét đánh giá và chấp nhận tính công sức tôn tạo, gìn giữ và quản lý di sản thừa kế của vợ chồng ông Sử Chấn Q là 4.479.078.862 đồng (22.395.394.310 đồng x 20%) xét thấy là phù hợp, thời gian quản lý bảo quản nhà là hơn 40 năm, phần công sức cũng nhỏ hơn một xuất khi chia tài sản chung, do vậy kháng cáo của bà T cho rằng công sức đóng góp nêu trên là của cả dòng họ nên không đồng ý tính công sức cho ông Sử Chấn Q là không có cơ sở được chấp nhận vì vậy, kháng cáo của bà T không có căn cứ được chấp nhận.

[4] Do có sự chênh lệch về giá trị di sản nên tại cấp phúc thẩm được điều chỉnh, xác định lại như sau:

Tổng giá trị nhà đất tại số 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam có tổng giá trị: 22.395.394.310 đồng. Công sức tôn tạo, gìn giữ và quản lý di sản là 4.479.078.862 đồng (22.395.394.310 đồng x 20%). Do đó, giá trị nhà đất tại số 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam là 17.915.307.448 đồng (22.395.394.310 đồng – 4.479.078.862 đồng) là tài sản thuộc sở hữu chung của 03 người gồm bà Lâm Thị K6, ông Sử Khắc L5 và ông Sử Chấn P2. Chia phần mỗi người là 5.971.769.149 đồng (17.915.307.448 đồng : 3). Như vậy, di sản thừa kế của bà Lâm Thị K6 chết để lại là 5.971.769.149 đồng.

[4.1] Bà Lâm Thị K6 chết không để lại di chúc, nên di sản của bà Lâm Thị K6 để lại được chia theo pháp luật là phù hợp với quy định tại Điều 675 Bộ luật Dân sự năm 2005. Ông Sử Quang P3, chết năm 1962 và Lâm Thị K6, chết năm 1967 có 03 người con chung là: Ông Sử H1, ông Sử Khắc L5 và ông Sử Khắc P3. Ông P3 và bà K6 không có con riêng. Nên di sản thừa kế của bà Lâm Thị K6 chết để lại là 5.971.769.149 đồng được chia cho 03 người con, mỗi người được nhận là 1.990.589.716 đồng. Và được phân chia cụ thể như sau:

* Ông Sử H1, chết năm 1960, có vợ là bà Phan Thị H13, chết năm 1995 có 09 người con chung gồm: Ông Sử Chấn P2, ông Sử Chấn Q, ông Sử Chấn Q, ông Sử Chấn C1, ông Sử Chấn K1, bà Sử Vân A7, bà Sử Nga A1, bà Sử Hoa A2 và bà Sử Kim A7 (chết năm 2002 và không có chồng con). Nên số tiền ông Sử H1 được nhận từ thừa kế là 1.990.589.716 đồng, được phân chia cho 08 người con, mỗi người được nhận là 248.823.714 đồng.

* Ông Sử Khắc P3, chết năm 1970, có vợ là bà Phan Ngọc Trân, chết năm 2007, vợ chồng có 08 người con chung gồm: Ông Sử Chấn P4, ông Sử Diệu Q3, ông Sử Chấn K4, ông Sử Chấn N2, ông Sử Chấn A4, ông Sử Chấn Ph1, bà Sử Lệ T và bà Sử Lệ M1. Nên số tiền ông Sử Khắc P3 được nhận từ thừa kế là 1.990.589.716 đồng, được phân chia cho 08 người, mỗi người được nhận là 248.823.714 đồng.

[4.2] Ông Sử Khắc L5, chết năm 1965, có vợ là bà Berthe Francoise L5, chết năm 2013, vợ chồng không có con chung. Sau khi ông Sử Khắc L5 chết, bà Berthe Francoise L5 kết hôn với ông A3 nhưng không có con chung, ông A3 có 01 người con riêng là bà Quynh Tuy L5. Nên số tiền ông Sử Khắc L5 được nhận từ thừa kế 1.990.589.716 đồng và giá trị từ tài sản chung là 5.971.769.149 đồng, tổng cộng là 7.962.358.865 đồng, được giao cho ông A3 (vì bà Quynh Tuy L5 là con riêng của ông A3 nên không được hưởng tài sản thừa kế của bà Berthe Francoise L5). Tại Giấy ủy quyền ngày 24/4/2014 (BL 583) ông A3 yêu cầu phân chia tài sản thuộc sở hữu của ông được nhận cho 09 người: Ông Sử Chấn C1, ông Sử Thanh T4, ông Sử Tùng G1, ông Thái Quán V1 (H14), bà Châu Thị Mai L4, ông Sử Duy K3, ông Sử Chấn K4, ông Sử Chấn Ph1 và bà Sử Lệ M1. Nên số tiền ông A3 được nhận từ thừa kế là 7.962.358.865 đồng, được phân chia cho 09 người, mỗi người được nhận là 884.706.540 đồng.

[4.3] Đối với nội dung kháng cáo của bà Sử Lệ T về di sản của ông Sử Chấn P2 để lại, Hội đồng xét xử xét thấy:

Ông Sử Chấn P2, chết năm 2009, có vợ (chết) và vợ chồng ông Sử Chấn P2 có 05 người con chung gồm ông W, bà Z1, bà Z2, bà Z3, bà Z4, 05 người này đã có Văn bản tuyên bố không nhận thừa kế (BL 122, 125, 128, 131 và 135). Nên số tiền ông Sử Chấn P2 được nhận từ thừa kế là 248.823.714 đồng và giá trị từ tài sản chung là 5.971.769.149 đồng, tổng cộng là 6.220.592.863 đồng, phần di sản này không có người thừa kế thì được xác lập quyền sở hữu cho người đang quản lý, sử dụng tài sản đó liên tục từ 30 năm trở lên là ông Sử Chấn Q và bà Hứa Thu V2 (được quy định tại khoản 2 Điều 22 chương VII của Nghị quyết 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27/7/2006 và Nghị quyết này được căn cứ để tính thời hiệu khởi kiện của vụ án về thừa kế. Ngoài ra ông Sử Chấn Q là em ruột của ông Sử Chấn P2 (*hàng thừa kế thứ 2 của ông P2*) đồng thời cũng là người quản lý di sản trên 30 năm; do vậy Bản án sơ thẩm giao kỹ phần của ông P2 cho ông Sử Chấn Q là phù hợp với quy định của pháp luật và cũng không ảnh hưởng gì đến quyền lợi của bà Sử Lệ T trong vụ án này, bà T cũng không thuộc diện và hàng thừa kế nào của ông P2. Do vậy, kháng cáo của bà T về nội dung nêu trên không có căn cứ được chấp nhận.

Như vậy, ông Sử Chấn Q được nhận các khoản: Giá trị xây dựng mới là 156.088.800 đồng; công sức tôn tạo, gìn giữ và quản lý di sản thừa kế là đồng 4.479.078.862 đồng; nhận thừa kế là 248.823.714 đồng và phần di sản không có người thừa kế là 6.220.592.863 đồng, tổng cộng ông Sử Chấn Q được nhận là 11.324.026.925 đồng.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Sử H1 đại diện theo ủy quyền của bị đơn ông Sử Chấn Q và đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hứa Thu V2 đều đồng ý giao tài sản nhà và đất tại số 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam cho bà Sử Lệ T quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản gắn liền với diện tích đất 125,7m², đồng thời bà Sử Lệ T phải trả số tiền do được chia thừa kế cho các người khác theo quy định. Về giá trị tài sản các bên đồng ý theo định giá mới.

Cụ thể, bà Sử Lệ T phải trả số tiền do được chia thừa kế cho từng người được nhận như sau:

1. Bà Châu Thị Mai L4 (là vợ ông Sứ Chấn P4), ông Sứ Duy T5, ông Sứ Duy K3 và bà N1 (là con ông Sứ Chấn P4): 248.823.714 đồng + 884.706.540 đồng (do ông A3 cho bà Châu Thị Mai L4) + 884.706.540 đồng (do ông A3 cho ông Sứ Duy K3), tổng cộng 2.018.236.794 đồng do bà Châu Thị Mai L4 đại diện nhận. Bà Châu Thị Mai L4 có trách nhiệm giao lại cho: Ông Sứ Duy T5 62.205.928 đồng, bà N1 62.205.928 đồng và ông Sứ Duy K3 946.912.468 đồng khi có yêu cầu.
2. Ông Sứ Diệu Q3 là 248.823.714 đồng.
3. Ông Sứ Chấn K4: 248.823.714 đồng + 884.706.540 đồng (do ông A3 cho ông Sứ Chấn K4), tổng cộng là 1.133.530.254 đồng.
4. Ông Sứ Chấn N2 là 248.823.714 đồng
5. Ông Sứ Chấn A4 là 248.823.714 đồng
6. Bà Trương Thị Ánh T6 (là vợ ông Sứ Chấn Ph1) và ông Sứ Duy H12 (là con ông Sứ Chấn Ph1): 248.823.714 đồng + 884.706.540 đồng (do ông A3 cho ông Sứ Chấn Ph1), tổng cộng là 1.133.530.254 đồng. Bà Trương Thị Ánh T6 có trách nhiệm giao lại cho: Ông Sứ Duy H12 566.765.127 đồng khi có yêu cầu.
7. Bà Sứ Lệ M1: 248.823.714 đồng + 884.706.540 đồng (do ông A3 cho bà Sứ Lệ M1), tổng cộng là 1.133.530.254 đồng.
8. Bà Nguyễn Hồng Y1 (là vợ ông Sứ Chấn Q), ông Sứ Thanh T4, ông Sứ Tùng G1, bà Sứ Hồng Ch và bà Sứ Hồng Nh1 (là con ông Sứ Chấn Q): 248.823.714 đồng + 884.706.540 đồng (do ông A3 cho ông Sứ Thanh T4) và 884.706.540 đồng (do ông A3 cho ông Sứ Tùng G1), tổng cộng là 2.018.236.784 đồng. Bà Nguyễn Hồng Y1 có trách nhiệm giao lại cho: Bà Sứ Hồng Ch 49.764.742 đồng, bà Sứ Hồng Nh1 49.764.742 đồng, ông Sứ Thanh T4 934.471.282 đồng và ông Sứ Tùng G1 934.471.282 đồng khi có yêu cầu.
9. Bà Bùi Thị Th2 (là vợ ông Sứ Chấn C1), bà Sứ Thụy L1, bà Sứ Mỹ L1, bà Sứ Khánh L3, ông Sứ Duy H5 và ông Sứ Duy B2 (là con ông Sứ Chấn C1): 248.823.714 đồng + 884.706.540 đồng (do ông A3 cho ông Sứ Chấn C1), tổng cộng là 1.133.530.254 đồng, do bà Sứ Thụy L1 đại diện nhận. Bà Sứ Thụy L1 có trách nhiệm giao lại cho: Bà Bùi Thị Th2, bà Sứ Mỹ L1, bà Sứ Khánh L3, ông Sứ Duy H5 và ông Sứ Duy B2 mỗi người 188.921.706 đồng khi có yêu cầu.
10. Ông Sứ Chấn K1 là 248.823.714 đồng.
11. Bà Thái Bích H9, ông Thái Quán H14 (V1), ông Thái Quán C2, ông Thái Quán D1, bà Thái Tiên H8 (là con bà Sứ Vân A7): 248.823.714 đồng và 884.706.540 đồng (do ông A3 cho ông Thái Quán H14 (V1)), tổng cộng là 1.133.530.254 đồng do ông Thái Quán H14 (V1) đại diện nhận. Ông Thái Quán H14 (V1) có trách nhiệm giao lại cho: Bà Thái Bích H9, ông Thái Quán C2, ông Thái Quán D1 và bà Thái Tiên H8 mỗi người 49.764.742 đồng khi có yêu cầu.
12. Bà Sứ Nga A1 là 248.823.714 đồng.
13. Bà Sứ Hoa A2, chết năm 2019, có chồng chết trước bà Sứ Hoa A2, vợ chồng bà Sứ Hoa A2 có 04 người con chung gồm ông Hàng Xuân C3, ông Hàng H11, ông Hàng H10 và bà Hàng Xuân Tr1 (là con bà Sứ Hoa A2) là 248.823.714 đồng do ông Hàng Xuân C3 đại diện nhận. Ông Hàng Xuân C3 có trách nhiệm giao lại cho: Ông Hàng H11, ông Hàng H10 và bà Hàng Xuân Tr1 mỗi người 62.205.928 đồng khi có yêu cầu.

14. Ông Sử Chấn Q là 11.324.026.925 đồng. Ông Sử Chấn Q đã chết, ông Sử H1 là người đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Q đại diện nhận thay.

[5] Về lưu cư: Hội đồng xét xử cho gia đình ông Sử Chấn Q được quyền lưu cư trong thời gian 01 tháng theo đề nghị của người thừa kế của ông Q, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

[6] Về chi phí định giá lại lần 02: Định giá lại lần 02 do bà Sử Lệ T yêu cầu và kết quả định giá có lợi cho bà T là người nhận di sản và thanh toán cho các kỹ phần nên bà Sử Lệ T phải chịu, bà T đã nộp đủ tiền định giá.

[7] Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Sử Lệ T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Chấp nhận một phần đơn kháng cáo của bà Sử Lệ T.

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số: 12/2021/DS-ST ngày 15/4/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam.

Áp dụng khoản 5 Điều 25, khoản 3 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2004, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 214, 217, 224, 247, 249, 645, 675, 676 và 652 Bộ luật Dân sự năm 2005; Nghị quyết 1037/2006/NQ-UBTVQH11 ngày 27/7/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Án lệ số 06/2016/AL, các Điều 12, 14, khoản 1, 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Sử Lệ T về việc “*Tranh chấp về chia di sản thừa kế, chia tài sản chung và hủy quyết định cá biệt*”.

II. Hủy Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở và quyền sử dụng đất ở số 0303010169 do UBND tỉnh Quảng Nam cấp ngày 27/7/2001 cho ông Sử Chấn Q và bà Hứa Thu V2.

III. Giao cho bà Sử Lệ T quản lý, sử dụng và sở hữu toàn bộ tài sản ngôi nhà gắn liền với diện tích đất 125,7m² tại số 83 Đường T2, phường M, thành phố H, tỉnh Quảng Nam (*Có sơ đồ bản vẽ kèm theo*). Gia đình ông Sử Chấn Q được quyền lưu cư trong thời gian 01 (*Một*) tháng, kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

IV. Bà Sử Lệ T phải trả số tiền do được chia thừa kế cho từng người được nhận như sau:

1. Bà Châu Thị Mai L4 (là vợ ông Sử Chấn P4), ông Sử Duy T5, ông Sử Duy K3 và bà N1 (là con ông Sử Chấn P4): 248.823.714 đồng + 884.706.540 đồng (do ông A3 cho bà Châu Thị Mai L4) + 884.706.540 đồng (do ông A3 cho ông Sử Duy K3), tổng cộng 2.018.236.794 đồng do bà Châu Thị Mai L4 đại diện nhận. Bà Châu Thị Mai L4 có trách nhiệm giao lại cho: Ông Sử Duy T5 62.205.928 đồng, bà N1 62.205.928 đồng và ông Sử Duy K3 946.912.468 đồng khi có yêu cầu.

2. Ông Sử Diệu Q3 là 248.823.714 đồng.

3. Ông Sử Chấn K4: 248.823.714 đồng + 884.706.540 đồng (do ông A3 cho ông Sử Chấn K4), tổng cộng là 1.133.530.254 đồng.

4. Ông Sử Chấn N2 là 248.823.714 đồng.

5. Ông Sử Chấn A4 là 248.823.714 đồng.

6. Bà Trương Thị Ánh T6 (là vợ ông Sử Chấn Ph1) và ông Sử Duy H12 (là con ông Sử Chấn Ph1): 248.823.714 đồng + 884.706.540 đồng (do ông A3 cho ông Sử Chấn Ph1), tổng cộng là 1.133.530.254 đồng. Bà Trương Thị Ánh T6 có trách nhiệm giao lại cho: Ông Sử Duy H12 566.765.127 đồng khi có yêu cầu.

7. Bà Sử Lệ M1: 248.823.714 đồng + 884.706.540 đồng (do ông A3 cho bà Sử Lệ M1), tổng cộng là 1.133.530.254 đồng.

8. Bà Nguyễn Hồng Y1 (là vợ ông Sử Chấn Q), ông Sử Thanh T4, ông Sử Tùng G1, bà Sử Hồng Ch và bà Sử Hồng Nh1 (là con ông Sử Chấn Q): 248.823.714 đồng + 884.706.540 đồng (do ông A3 cho ông Sử Thanh T4) và 884.706.540 đồng (do ông A3 cho ông Sử Tùng G1), tổng cộng là 2.018.236.784 đồng. Bà Nguyễn Hồng Y1 có trách nhiệm giao lại cho: Bà Sử Hồng Ch 49.764.742 đồng, bà Sử Hồng Nh1 49.764.742 đồng, ông Sử Thanh T4 934.471.282 đồng và ông Sử Tùng G1 934.471.282 đồng khi có yêu cầu.

9. Bà Bùi Thị Th2 (là vợ ông Sử Chấn C1), bà Sử Thụy L1, bà Sử Mỹ L1, bà Sử Khánh L3, ông Sử Duy H5 và ông Sử Duy B2 (là con ông Sử Chấn C1): 248.823.714 đồng + 884.706.540 đồng (do ông A3 cho ông Sử Chấn C1), tổng cộng là 1.133.530.254 đồng, do bà Sử Thụy L1 đại diện nhận. Bà Sử Thụy L1 có trách nhiệm giao lại cho: Bà Bùi Thị Th2, bà Sử Mỹ L1, bà Sử Khánh L3, ông Sử Duy H5 và ông Sử Duy B2 mỗi người 188.921.706 đồng khi có yêu cầu.

10. Ông Sử Chấn K1 là 248.823.714 đồng. Ông K1 đã chết nên bà Ngô Thị Bích Liên được nhận phần của ông K1.

11. Bà Thái Bích H9, ông Thái Quán H14 (V1), ông Thái Quán C2, ông Thái Quán D1, bà Thái Tiên H8 (là con bà Sử Vân A7): 248.823.714 đồng và 884.706.540 đồng (do ông A3 cho ông Thái Quán H14 (V1)), tổng cộng là 1.133.530.254 đồng do ông Thái Quán H14 (V1) đại diện nhận. Ông Thái Quán H14 (V1) có trách nhiệm giao lại cho: Bà Thái Bích H9, ông Thái Quán C2, ông Thái Quán D1 và bà Thái Tiên H8 mỗi người 49.764.742 đồng khi có yêu cầu.

12. Bà Sử Nga A1 là 248.823.714 đồng.

13. Bà Sử Hoa A2, chết năm 2019, có chồng chết trước bà Sử Hoa A2, vợ chồng bà Sử Hoa A2 có 04 người con chung gồm ông Hàng Xuân C3, ông Hàng H11, ông Hàng H10 và bà Hàng Xuân Tr1 (là con bà Sử Hoa A2) là 248.823.714 đồng do ông Hàng Xuân C3 đại diện nhận. Ông Hàng Xuân C3 có trách nhiệm giao lại cho: Ông Hàng H11, ông Hàng H10 và bà Hàng Xuân Tr1 mỗi người 62.205.928 đồng khi có yêu cầu.

14. Ông Sử Chấn Q là 11.324.026.925 đồng. Ông Sử Chấn Q đã chết, ông Sử H1 là người đại diện cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ Tổ tụng của ông Q đại diện nhận thay.

V. Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Sử Lệ T không phải chịu án phí phúc thẩm.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Sử Lệ T và ông Sử Chấn Q được miễn.

Bà Châu Thị Mai L4 phải chịu 72.360.000 đồng. Ông Sử Diệu Q3 phải chịu 12.400.000 đồng. Ông Sử Chấn K4 phải chịu 45.000.000 đồng. Ông Sử

Chấn N2 phải chịu 12.400.000 đồng. Ông Sử Chấn A4 phải chịu 12.400.000 đồng. Bà Trương Thị Ánh T6 phải chịu 45.000.000 đồng. Bà Sử Lệ M1 phải chịu 45.000.000 đồng. Bà Nguyễn Hồng Y1 phải chịu 72.360.000 đồng. Bà Sử Thụy L1 phải chịu 45.000.000 đồng. Ông Sử Chấn K1 phải chịu 12.400.000 đồng do bà Ngô Thị Bích Liên nộp thay. Ông Thái Quán H14 (V1) phải chịu 45.000.000 đồng. Bà Sử Nga A1 phải chịu 12.400.000 đồng. Ông Hàng Xuân C3 phải chịu 12.400.00 đồng.

VI. Về chi phí thẩm định, định giá và chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài:

1. Bà Châu Thị Mai L4 phải hoàn trả cho bà Sử Lệ T là 3.400.000 đồng.
2. Ông Sử Chấn K4 phải hoàn trả cho bà Sử Lệ T là 2.100.000 đồng.
3. Bà Trương Thị Ánh T6 phải hoàn trả cho bà Sử Lệ T là 2.100.000 đồng.
4. Bà Sử Lệ M1 phải hoàn trả cho bà Sử Lệ T là 2.100.000 đồng.
5. Bà Nguyễn Hồng Y1 phải hoàn trả cho bà Sử Lệ T là 3.400.000 đồng.
6. Bà Sử Thụy L1 phải hoàn trả cho bà Sử Lệ T là 2.100.000 đồng.
7. Ông Thái Quán H14 (V1) phải hoàn trả cho bà Sử Lệ T là 2.100.000 đồng.
8. Ông Sử Chấn Q phải hoàn trả cho bà Sử Lệ T là 4.000.000 đồng (ông Q đã chết nên ông Sử H1 phải trả cho bà T).

VII. Về chi phí định giá lại lần 02: Bà Sử Lệ T phải chịu 18.000.000 đồng bà T đã nộp đủ tiền định giá.

Những người kế thừa quyền nghĩa vụ tố tụng của ông Sử Chấn Q được quyền lưu cư tại nhà 83 Đường T2, thành phố H, tỉnh Quảng Nam trong hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực thi hành.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Quảng Nam;
- VKSND tỉnh Quảng Nam;
- Cục THADS tỉnh Quảng Nam;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn, lưu trữ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Mai Xuân Thành